

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2023/HS - ST
Ngày 12 - 5 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Thành Vân.
2. Ông Lương Văn Vịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Điệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 64/2023/HSST ngày 06 tháng 02 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST - HS ngày 22 tháng 03 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 90/2023/HSST – QĐ ngày 24 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Quàng Văn D** - Sinh năm 1960; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Bản P, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/10; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Chức vụ đoàn thể, đảng phái: Không; Con ông Quàng Văn A (đã chết) và bà Quàng Thị L (đã chết); Bị cáo có vợ là Lò Thị P1 và 04 con (con lớn nhất sinh năm 1981, con nhỏ nhất sinh năm 1987); Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 26/5/2011 bị TAND tỉnh Sơn La xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 28/11/2022 đến ngày 17/01/2023 được thay thế biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, đang tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn D: Ông Tòng Văn M – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lò Văn B – đại diện KQL Bản P, xã K, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La. Có mặt.
2. Ông Sòng A P2 - đại diện KQL bản C, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
3. Ông Lò Văn D. Địa chỉ: bản C1, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
4. Ông Sùng A P3. Địa chỉ: bản C1, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
5. Ông Sùng A T1. Địa chỉ: Bản C1, xã K, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
6. Ông Sùng A K1. Địa chỉ: bản V1, xã N3, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
7. Ông Sùng Tô C4. Địa chỉ: Bản V1, xã N3, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.
8. Ông Sùng A H2. Địa chỉ: Bản V1, xã N3, huyện S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn Kiến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện theo Quyết định số 11/QĐUK ngày 12/12/2000 của UBND tỉnh Sơn La về việc giao đất rừng lâm nghiệp và tự nhiên tới hộ, nhóm hộ quản lý, bảo vệ. Năm 2001 cộng đồng bản P, K, Sông Mã được chia thành 02 nhóm hộ: Nhóm số 01 có 23 hộ dân do Quảng Văn D trú tại Bản P được Bầu làm nhóm trưởng, nhóm số 02 gồm 29 hộ dân do ông Lò Văn T5 ở Bản P được Bầu làm nhóm trưởng (*nhưng không có Quyết định phân công cụ thể của cơ quan có thẩm quyền*), ngày 25/02/2002 Nhóm số 01 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V400386 mang tên Quảng Văn D có tổng diện tích 893.430,0m². Các nhóm có trách nhiệm quản lý, Bảo vệ rừng được giao theo quy định. Đến năm 2021 D thấy một số người dân và tập thể có nhu cầu mua đất để làm nương và chôn cất người chết nên đã nảy sinh ý định Bán đất rừng lâm nghiệp được giao quản lý, Bảo vệ để lấy tiền chi tiêu cá nhân mà không thông qua Ban quản lý Bản và các cơ quan, tổ chức liên quan, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 27/7/2021 D Bán 9.823m² đất rừng được giao quản lý, Bảo vệ cho hai hộ gia đình ông Sòng A P3 và Sùng A T1 đều trú tại Bản C1, K, Sông Mã với tổng số tiền 20.000.000 đồng

- Lần thứ hai: Ngày 27/7/2021 D Bán 3.741m² đất rừng được giao quản lý, Bảo vệ cho ông Lò Văn D ở Bản C2, K, Sông Mã với giá 5.000.000 đồng.

- Lần thứ Ka: Ngày 08/9/2021 D tiếp tục Bán 10.353m² đất rừng được giao quản lý Bảo vệ cho KQL Bản C1, K, Sông Mã để làm nơi chôn cất người

chết với giá 40.000.000 đồng và đã nhận của Trưởng Bản C1 số tiền 34.000.000 đồng, Bản C1 còn nợ lại chưa trả cho D là 6.000.000 đồng.

- Lần thứ tư: Ngày 28/11/2021 trong khi đi tuần tra rừng giáp ranh với rừng Bản V1, xã Nà Nghịu, Sông Mã, D phát hiện có 03 ngôi mộ của người dân tộc Mông được chôn cất từ lâu tại địa phận rừng do D quản lý, sau đó D đã đến gặp những người nhà của 03 ngôi mộ trên là Sùng A K1, Sùng Tổ C4 và Sùng A H2 đều trú tại Bản V1, Nà Nghịu. Do không muốn di chuyển mộ đi chỗ khác nên Khá, Chỉ và Hồ đã đồng ý mua 10 mét đất xung quanh mỗi ngôi mộ với số tiền là 2.000.000 đồng/01 hộ, tổng số tiền là 6.000.000 đồng.

Ngày 06/7/2022 Ban quản lý Bản P, K, Sông Mã phát hiện hành vi Bán đất rừng lâm nghiệp của Quàng Văn D nên đã làm đơn tố giác gửi đến UBND huyện Sông Mã, sau đó UBND huyện Sông Mã đã chuyển đơn đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã để xử lý D theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/8/2022 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Sông Mã phối hợp cùng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Hạt kiểm lâm huyện Sông Mã tiến hành khám nghiệm hiện trường đối với nơi xảy ra vụ án.

Ngày 11/8/2022 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Sông Mã ra Quyết định trưng cầu Giám định viên tư pháp trong lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi cục Kiểm lâm Sơn La. Giám định: diện tích, vị trí, trạng thái rừng, loại rừng, chức năng, nguồn gốc rừng và chủ rừng đối với diện tích rừng ông Quàng Văn D Bán cho các hộ cá nhân, tập thể.

Tại Bản Kết luận giám định ngày 25/8/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La kết luận như sau:

** Nguồn gốc rừng*

- Trên cơ sở dữ liệu đo đạc từ máy định vị GPS, dữ liệu Bản đồ theo dõi diễn Kiến rừng huyện Sông Mã năm 2021. Vị trí 01: Đất không có rừng, vị trí 02: Đất không có rừng, vị trí 03: Đất có rừng tự nhiên.

- Theo dữ liệu Bản đồ giao đất giao rừng giai đoạn 2002 - 2006. Vị trí 01: Đất có rừng tự nhiên, vị trí 02: Đất có rừng tự nhiên, vị trí 03: Đất có rừng tự nhiên.

** Chủ rừng*

Theo dữ liệu Bản đồ giao đất giao rừng giai đoạn 2002 - 2006:

+ Vị trí 01: tại lô c, khoảnh 01, tiểu khu 628 được giao cho Hộ gia đình ông Quàng Văn D quản lý; tại lô q, khoảnh 01, tiểu khu 628 được giao cho Cộng đồng Bản Hát Lay quản lý.

+ Vị trí 02: tại lô c, khoảnh 01, tiểu khu 628 được giao cho Hộ gia đình ông Quảng Văn D quản lý; tại lô q, khoảnh 01, tiểu khu 628 được giao cho Cộng đồng Bản Hát Lay quản lý.

+ Vị trí 03: lô a, khoảnh 01, tiểu khu 628 được giao cho Hộ gia đình ông Quảng Văn D quản lý”.

Quá trình điều tra đối chiếu với hồ sơ tài liệu đã thu thập phát hiện giữa Kiên Bản khám nghiệm hiện trường ngày 09/8/2022 và Kết luận giám định ngày 25/8/2022 với Kiên Bản giao đất, giao rừng của UBND huyện Sông Mã ngày 29/12/2002 đối với vị trí đất rừng mà Quảng Văn D Bán cho các cá nhân, thập thể có sai lệch về vị trí lô, khoảnh nên ngày 11/10/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã làm việc với Hạt kiểm lâm huyện Sông Mã được Kết: Do trong quá trình đối chiếu giữa Bản đồ trong máy định vị GPS lên Bản đồ giao đất, giao rừng năm 2002 trên hệ thống, cán Bộ Kiểm lâm đã sử dụng Bản đồ Bị lỗi trong lần thực hiện khám nghiệm hiện trường ngày 09/8/2022 nên đã dẫn đến sự sai lệch vị trí trên. Ngày 12/10/2022 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã phối hợp cùng Viện kiểm sát huyện Sông Mã, Hạt kiểm lâm huyện Sông Mã tiến hành khám nghiệm hiện trường Kổ sung.

Tại Bản Kết luận giám định ngày 08/11/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La kết luận như sau:

1. Khu vực thứ nhất: Khu vực Bán cho hai hộ gia đình Sòng A P3 và hộ Sùng A T1.

a) Xác định diện tích: Khu vực vi phạm có diện tích là 9.823m², trong đó: Khu vực do Cộng đồng Bản Hát Lay quản lý Bảo vệ là 2.640m² và khu vực do ông Quảng Văn D quản lý Bảo vệ 7.183m².

K) Xác định vị trí, loại rừng

- Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp Bản đồ thể hiện vị trí khu vực vi phạm với dữ liệu Bản đồ rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 có kết quả như sau:

+ Vị trí: Nằm trong khoảnh 3 và khoảnh 4, tiểu khu 628 (*Do khu vực vi phạm nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng nên không có số hiệu lô*).

+ Loại rừng: Không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng.

- Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp Bản đồ thể hiện vị trí khu vực vi phạm với dữ liệu Bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 xã K, huyện Sông Mã có kết quả như sau:

+ Vị trí: Nằm trong lô c, khoảnh 3, tiểu khu 628 và lô a, khoảnh 4, tiểu khu 628.

+ Loại rừng: Rừng phòng hộ.

c) Xác định chủ rừng: Khu vực này gồm 02 (hai) chủ rừng, trong đó:

+ Chủ rừng thứ nhất: Ông Quảng Văn D quản lý, Bảo vệ lô c, khoảnh 3, khu 628.

+ Chủ rừng thứ hai: Cộng đồng Bản Hát Lay quản lý, Bảo vệ lô a, khoảnh 4, tiểu khu 628.

d) Xác định trạng thái rừng, nguồn gốc rừng

Tại thời điểm giám định khu vực này hiện trạng là không có rừng, toàn Bộ diện tích là cây ngô đã được người dân thu hoạch. Tuy nhiên theo Bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 xã K thì khu vực này có nguồn gốc là rừng tự nhiên (*chức năng là rừng phòng hộ*), trạng thái rừng IIa tại lô c, khoảnh 3, tiểu khu 628 và lô a, khoảnh 4, tiểu khu 628.

2. Khu vực thứ 2: Khu vực Bán cho ông Lò Văn D ở Bản C2, xã K, Sông Mã, tỉnh Sơn La.

a) Xác định diện tích: Khu vực vi phạm có diện tích là 3.741m².

K) Xác định vị trí, loại rừng

- Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp Bản đồ thể hiện vị trí khu vực vi phạm với dữ liệu Bản đồ rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 có kết quả như sau:

+ Vị trí: Nằm trong khoảnh 3 và khoảnh 4, tiểu khu 628 (*Do khu vực vi phạm nằm ngoài quy hoạch 3 loại rừng nên không có số hiệu lô*).

+ Loại rừng: Không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng.

- Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp Bản đồ thể hiện vị trí khu vực vi phạm với dữ liệu Bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 xã K, huyện Sông Mã có kết quả như sau:

+ Vị trí: Nằm trong lô a và lô c, khoảnh 3, tiểu khu 628.

+ Loại rừng: Rừng phòng hộ.

c) Xác định chủ rừng: Khu vực này do ông Quảng Văn D quản lý, Bảo vệ tại lô a và lô c, khoảnh 3, tiểu khu 628.

d) Xác định trạng thái rừng, nguồn gốc rừng

Tại thời điểm giám định khu vực này hiện trạng là không có rừng, toàn Bộ diện tích là cây ngô đã được người dân thu hoạch. Tuy nhiên theo Bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 xã K thì khu vực này có nguồn gốc là rừng tự nhiên (*chức năng là rừng phòng hộ*), trạng thái rừng IIa tại lô a và lô c, khoảnh 3, tiểu khu 628.

3. Khu vực thứ 3: Khu vực Bán cho cộng đồng Bản C1, xã K, Sông Mã, Sơn La và Bán cho Sùng A K1, Sùng Tổ C4, Sùng A H2.

a) Xác định diện tích: Khu vực vi phạm có diện tích là 10.353m², trong đó: Khu vực do Cộng đồng Bản Huổi Cỏi, xã Nà Nghịu quản lý, Bảo vệ là 626m² và khu vực do ông Quàng Văn D quản lý, Bảo vệ là 9.727m².

K) Xác định vị trí, loại rừng:

- Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp Bản đồ thể hiện vị trí khu vực vi phạm với dữ liệu Bản đồ rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 có kết quả như sau:

+ Vị trí thuộc xã K: Nằm trong lô 2, khoảnh 3, tiểu khu 628; Loại rừng: Quy hoạch là đất rừng sản xuất.

+ Vị trí thuộc xã Nà Nghịu: Nằm trong lô 17, khoảnh 6, tiểu khu 610; Loại rừng: Quy hoạch là đất rừng phòng hộ.

- Kết quả đối chiếu, chồng xếp lớp Bản đồ thể hiện vị trí khu vực vi phạm với dữ liệu Bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 xã K, huyện Sông Mã có kết quả như sau:

+ Vị trí thuộc xã K: Nằm trong lô a, khoảnh 3, tiểu khu 628; loại rừng: Rừng phòng hộ.

+ Vị trí thuộc xã Nà Nghịu: Nằm trong lô d, khoảnh 6, tiểu khu 610; loại rừng: Rừng phòng hộ.

c) Xác định chủ rừng: Khu vực này gồm 02 (hai) chủ rừng, trong đó:

+ Chủ rừng thứ nhất: Ông Quàng Văn D quản lý, Bảo vệ tại lô a, khoảnh 3, tiểu khu 628.

+ Chủ rừng thứ hai: Cộng đồng Bản Huổi Cỏi, xã Nà Nghịu quản lý, Bảo vệ lô d, khoảnh 6, tiểu khu 610.

d) Xác định trạng thái rừng, nguồn gốc rừng:

- Theo kết quả kiểm kê rừng tỉnh Sơn La giai đoạn 2013 - 2016 được UBND tỉnh Sơn La phê duyệt tại Quyết định số 1529/QĐ-UBND ngày 29/6/2016; dữ liệu Bản đồ theo dõi diễn biến tài nguyên rừng năm 2021 trên địa bàn huyện Sông Mã được UBND tỉnh Sơn La công bố tại Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 và kết quả kiểm tra hiện trường tại thời điểm giám định đối chiếu với quy định tại Thông tư số 33/2018/TT-KNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có kết quả:

+ Vị trí vi phạm nằm trong lô 2, khoảnh 3, tiểu khu 628 có trạng thái là rừng hỗn giao tre, nứa, gỗ tự nhiên núi đất (Ký hiệu: HG2); Nguồn gốc là rừng tự nhiên (rừng thứ sinh phục hồi).

+ Vị trí vi phạm nằm trong lô 17, khoảnh 6, tiểu khu 610 có trạng thái là rừng gỗ núi đất lá rộng thường xanh chưa có trữ lượng (*Ký hiệu: TXP*); Nguồn gốc là rừng tự nhiên (*rừng thứ sinh phục hồi*).

- Theo dữ liệu Bản đồ giao đất giao rừng năm 2002 xã K thì:

+ Vị trí vi phạm nằm trong lô a, khoảnh 3, tiểu khu 628: Khu vực này có nguồn gốc là rừng tự nhiên (*chức năng là rừng phòng hộ*), trạng thái rừng IIa.

+ Vị trí vi phạm nằm trong lô d, khoảnh 6, tiểu khu 610: Khu vực này có nguồn gốc là rừng tự nhiên (*chức năng là rừng phòng hộ*), trạng thái rừng IIIa2”.

Qua làm việc với Hạt kiểm lâm huyện Sông Mã và Văn phòng đăng ký đất đai huyện Sông Mã xác định được 03 diện tích đất mà Quảng Văn D Bán cho ông Sùng A T1 và Sùng A P3, Lò Văn D và Bản C1 đều đang thuộc đất rừng phòng hộ theo dữ liệu Bản đồ giao đất, giao rừng năm 2002, còn theo Quyết định số 3248/QĐ-UBND, ngày 27/12/2018 của UBND tỉnh Sơn La về “*Rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Sơn La giai đoạn 2017 - 2025, định hướng đến năm 2030*” mới là quy hoạch chưa có hiệu lực thực tế. Mặt khác, nhóm trưởng nhóm quản lý, Bảo vệ rừng thực chất là việc các hộ trong một nhóm được giao đất, giao rừng Bàu một người làm đại diện đứng tên khi làm Kiên Bản, hồ sơ giao đất, giao rừng và đứng tên trên Bản đồ. Về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của nhóm trưởng quản lý, Bảo vệ rừng không có văn Bản quy định cụ thể.

Ngày 28/11/2022 tiến hành khám xét đối với chỗ ở của Quảng Văn D thu giữ được các tài liệu liên quan đến vụ án, gồm: 01 Kiên Bản trả lại rừng cho Nhà nước; 01 Kiên Bản trao đổi dân Bản V1 ngày 27/7/2022; 01 tờ trình; 01 giấy Kiên nhận giao tiền; 01 giấy Kiên nhận khoanh một điểm rừng chôn cất mộ người chết cho Bản C1; 01 đơn xin; 01 đơn tố cáo vụ giả mạo tranh chấp đóng tiền dịch vụ môi trường rừng chi trả; 01 Kiên nhận trả tiền.

Tổng số tiền Quảng Văn D có được từ việc Bán đất rừng trái phép là 65.000.000 đồng, D đã sử dụng để chi tiêu cá nhân hết 40.000.000 đồng, còn 25.000.000 đồng D chưa sử dụng. Sau khi Kiệt mình Bị kiện cáo D đã lấy 25.000.000 đồng cùng tiền Bán ao của gia đình mang trả cho những cá nhân và tập thể, cụ thể: ngày 27/7/2022 D đã trả lại cho Bản C1 số tiền 34.000.000, ngày 30/7/2022 D trả lại cho Sùng A K1, Sùng A H2 và Sùng Tố C4 mỗi hộ 2.200.000 đồng, tổng là 6.600.000 đồng (trong đó số tiền 600.000 đồng là tiền D trả công cho Bản V1, Nà Nghiu phải tổ chức họp để D trả lại tiền cho Ka hộ này).

Do có hành vi nêu trên tại Bản Cáo trạng số 14/CT-VKSSM ngày 06 tháng 02 năm 2023 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Quảng Văn D về tội Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai theo điểm K khoản 2 Điều 228 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên tòa kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên Kố Bị cáo phạm tội Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai. Căn cứ điểm K khoản 2 Điều 228; Điểm K, s khoản 1, 2 Điều 51; Khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt Quàng Vắn D từ 02 năm 06 tháng tù – 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, không áp dụng hình phạt Kố sung. Miễn án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Về dân sự: Sùng A T1, Sùng A P3, Lò Văn D yêu cầu Bị cáo Quàng Vắn D trả lại số tiền đã mua đất, cụ thể: Thanh yêu cầu trả lại số tiền là 10.000.000 đồng, P3 yêu cầu trả lại số tiền là 10.000.000 đồng, Lò Văn D yêu cầu trả lại số tiền là 5.000.000 đồng. Còn Sùng A K1, Sùng Tố C4, Sùng A H2 và KQL Bản C1 đã được Bị cáo trả lại tiền mua đất nên không có yêu cầu gì thêm; Đề nghị HĐXX chấp nhận các đề nghị này.

- Người Kào chữa cho Bị cáo tại phiên tòa phát Kiếu quan điểm Kào chữa như sau: Xác định thủ tục điều tra, truy tố, xét xử là đúng theo trình tự do luật định; Bị cáo Bị truy tố, xét xử về tội Vi phạm các quy định về sử dụng đất đai theo điểm K khoản 2 Điều 228 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, không oan. Người Kào chữa đề nghị HĐXX xem xét, cân nhắc vào nguyên nhân, điều kiện, hoàn cảnh của việc thực hiện hành vi phạm tội, trên cơ sở cân nhắc tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: Bị cáo thành khẩn khai Káo, ăn năn hối cải, đã tích cực Kòi thường, khắc phục hậu quả, Bản thân Bị cáo tuổi đã cao, sức khỏe không tốt có Kênh nan y cần phải nhập viện để điều trị, có Kố để là người có công với cách mạng; đề nghị HĐXX xem xét cho Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật, cho Bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho Bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương. Về trách nhiệm dân sự: nhất trí với quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Tại phiên tòa người đại diện cho Ban quản lý Bản P, xã K, huyện Sông Mã có ý kiến đề nghị HĐXX căn cứ vào các quy định của pháp luật để xử phạt Bị cáo nghiêm minh, đúng quy định.

Tại phiên tòa Bị cáo nhất trí với nội dung Bản cáo trạng, nhất trí với lời Kào chữa của người Kào chữa và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận gì và khi được nói lời sau cùng Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Sông Mã, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều

tra và tại phiên tòa Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người Kào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về các chứng cứ xác định tội danh: Hành vi phạm tội của Bị cáo được chứng minh Kằng các căn cứ sau

- Đơn tố cáo của Ban quản lý Bản P, xã K, huyện Sông Mã đối với Bị cáo Quàng Văn D.

- Kiên Bản khám nghiệm hiện trường lập ngày 09/8/2022, Kết luận giám định ngày 08/11/2022 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Sơn La, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các giấy tờ đã thu giữ khi khám xét nơi ở của Bị cáo Quàng Văn D.

- Lời khai nhận tội của Bị cáo về thời gian địa điểm, diễn Kiến của hành vi phạm tội tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của Bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với Kiên Bản khám nghiệm hiện trường, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Kị cáo không có thay đổi, Kổ sung gì về lời khai làm thay đổi nội dung vụ án. Bị cáo khẳng định việc khai Káo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc đã thực hiện.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã truy tố Bị cáo về tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai theo quy định tại điểm K khoản 2 Điều 228 Bộ luật Hình sự là đúng quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: trong khoảng thời gian từ tháng 7/2021 đến tháng 11/2021 Quàng Văn D với nhiệm vụ là Trưởng nhóm số 01 có trách nhiệm quản lý, Bảo vệ rừng được giao theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V400386 mang tên Quàng Văn D có tổng diện tích 893.430,0m² đã có hành vi tự ý 04 lần Bán đất rừng trái phép (hành vi của Bị cáo trong mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Hình sự) có tổng diện tích là 20.651m² đất rừng do mình quản lý, Bảo vệ và 3.266m² đất rừng do người khác quản lý, Bảo vệ cho các cá nhân và tập thể; Bị cáo Kiết diện tích rừng là rừng phòng hộ được giao cho nhóm hộ (gồm 23 hộ) do Bị cáo được Bầu làm nhóm trưởng, diện tích đất rừng này không thuộc quyền sử dụng, chiếm hữu riêng của Bị cáo, Bị cáo không được phép chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hành vi phạm tội của Bị cáo đã xâm phạm chế độ quản lý về đất đai của nhà nước “Đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Nhà nước trao quyền sử dụng đất cho người sử dụng đất theo quy định của luật Đất đai” và vi phạm quy định tại điều 136 Luật đất đai về việc quản lý, sử dụng đất rừng phòng hộ nhưng vì mục đích hưởng lợi Bị cáo vẫn cố tình thực hiện hành vi Bán đất rừng phòng hộ trái phép và được hưởng lợi số tiền là 65.000.000đ. Do vậy,

Bị cáo đã phạm tội vi phạm các quy định về sử dụng đất đai, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm K “phạm tội nhiều lần” khoản 2 Điều 228 Bộ luật Hình sự, có mức hình phạt từ “phạt tiền từ 500.000.000 đồng đến 2.000.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm”.

[3] Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của Bị cáo:

Tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra Bị cáo thành khẩn khai Káo, ăn năn hối cải, tích cực Kôi thường khắc phục hậu quả, Bị cáo có Kổ để là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s, K khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tính chất của vụ án, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của Bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi của Bị cáo làm ảnh hưởng đến trật tự trị an ở địa phương, gây Kức xúc trong xã hội, tuy nhiên quá trình lượng hình HĐXX thấy rằng Bị cáo tuổi đã cao, tình hình sức khỏe của Bản thân không tốt, thường xuyên phải nhập viện để điều trị Kệnh, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; tuy Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng nhưng vẫn đủ các điều kiện được hưởng án treo theo các quy định của pháp luật. Do vậy, việc cách ly Bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để giáo dục, cải tạo Bị cáo là có phần quá nghiêm khắc, cần tạo điều kiện cho Bị cáo được hưởng lượng khoan hồng của pháp luật cho Bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách nhất định cũng đảm Bảo KIỆN pháp giáo dục riêng và phòng ngừa chung; điều này cũng phù hợp với quan điểm xử lý của kiểm sát viên và người Kào chữa cho Bị cáo tại phiên tòa.

[5] Về hình phạt Kổ sung: Vì Bị cáo phải thực hiện trách nhiệm Kôi thường dân sự nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt Kổ sung là phạt tiền đối với Bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Quá trình giải quyết vụ án không thu giữ đồ vật, tài sản gì nên không có vật chứng để đề cập xử lý.

[7] Về các vấn đề khác có liên quan trong vụ án:

Tháng 5/2021 Bị cáo lĩnh số tiền 4.408.000 đồng từ tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng, quá trình điều tra xác định Bị cáo đã sử dụng 2.808.000 đồng vào việc làm Kiển cấm và Kiển nội quy cấm xung quanh rừng và tiền hưởng % trách nhiệm quản lý, Bảo vệ rừng, còn 1.600.000 đồng Bị cáo đã đưa cho Trưởng Bản P, K, Sông Mã nộp vào quỹ của Bản nên không phạm vào tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 175 Bộ luật hình sự.

Việc Bị cáo Bán 2.640m² đất rừng của Cộng đồng Bản Huổi Cói, xã N3, huyện S và Bán 626m² đất rừng của Cộng đồng Bản Hát Lay, xã K, huyện Sông Mã là do D không nắm rõ được ranh giới trên thực địa so với trên Bản đồ, D

không có ý Bán phần đất này mà nhận thức phần đất này vẫn thuộc nhóm hộ của D quản lý, Bảo vệ nên D không phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sùng A T1 yêu cầu Bị cáo trả lại 10.000.000đ, Sùng A P3 yêu cầu Bị cáo trả lại 10.000.000đ, Lò Văn D yêu cầu Bị cáo trả lại 5.000.000đ. Là tiền những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã trả cho Bị cáo để mua đất, xét các yêu cầu này là có căn cứ HĐXX chấp nhận và Kuộc Bị cáo phải trả lại số tiền đã nhận theo yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Đối với Sùng A K1, Sùng Tổ C4, Sùng A H2 và Ban quản lý Bản C1, xã K, huyện Sông Mã đã được Bị cáo trả lại tiền mua đất nên không có yêu cầu gì thêm nên HĐXX chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo là người đồng Kào dân tộc thiểu số sống tại xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc Kiệt khó khăn nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về điều luật áp dụng, tội danh và hình phạt:

Căn cứ điểm K khoản 2 Điều 228; Điểm K, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự tuyên Kố Bị cáo Quàng Văn D phạm tội: vi phạm các quy định về sử dụng đất đai.

Xử phạt Bị cáo Quàng Văn D 03 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thử thách 05 năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (12/5/2023).

Giao Kị cáo Quàng Văn D cho UBND xã K, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình Bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã K, huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục Bị cáo trong thời gian thử thách.

" Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định Kuộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo ".

Không áp dụng hình phạt Kổ sung đối với Kị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật Dân sự

Kuộc Bị cáo phải Kì thi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sùng A T1 số tiền là 10.000.000đ, Sùng A P3 số tiền là 10.000.000đ, Lò Văn D số tiền là 5.000.000đ.

“Kể từ ngày Kên có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải thi hành án, Kên có nghĩa vụ phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại các Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán”.

Chấp nhận việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Sùng A K1, Sùng Tổ C4, Sùng A H2, KQL Bản C1 và Bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận Kì thi thường xong.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UKTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho Kị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 12/5/2023); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp quyết định về Kì thi thường dân sự này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc Bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7K và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Nhung

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Nhung